

UBND HUYỆN CHÂU THÀNH  
**VĂN PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /VPUBND-NC  
V/v gửi kết quả tự chấm điểm  
Chỉ số cải cách hành chính  
năm 2020

Châu Thành, ngày tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Phòng Nội vụ Huyện.

Theo Công văn số 487/PNV-CCHC ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Phòng Nội vụ Huyện về việc tự chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính năm 2020.

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Huyện gửi kết quả tự chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của đơn vị như sau:

*(Kèm theo phụ lục và các tài liệu kiểm chứng trên iDesk).*

Kính gửi đơn vị tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT/UBND Huyện;
- LĐVP, các CVNC, QTM;
- Lưu: VT.

**CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Đoàn Hữu Tiên**

**PHỤ LỤC 1**

**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN CẤP HUYỆN**

(Ban hành kèm theo Công văn số /VPUBND-NC ngày /11/2020 của Văn phòng HĐND và UBND Huyện)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>21.00</b>	<b>21.00</b>					Thực hiện đúng quy định
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch CCHC</b>	<b>2.00</b>	<b>2.00</b>					Kế hoạch số 04/KH-VPUBND ngày 04/02/2020
	Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 2.00}{100\%} \right]$							Hoàn thành 100% nội dung Kế hoạch đề ra
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0							
<b>1.2</b>	<b>Thực hiện chế độ báo cáo CCHC</b>	<b>3.00</b>	<b>3.00</b>					Thực hiện đúng quy định
	Báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, năm về CCHC: 0.5							Báo cáo số 10/BC-VPUBND ngày 10/02/2020; Báo cáo số 34/BC-VPUBND ngày 17/4/2020; Báo cáo số 60/BC-VPUBND ngày 21/8/2020; Báo cáo số 86/BC-VPUBND ngày 28/10/2020.
	Báo cáo chuyên đề, số liệu về CCHC: 0.5							Báo cáo số 96/BC-VPUBND ngày 27/4/2020
	Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật: 0.5							Báo cáo số 364/BC-UBND ngày 19/11/2020
	Báo cáo rà soát văn bản QPPL: 0.5							Báo cáo số 304/BC-

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
								UBND ngày 02/10/2020
	Báo cáo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, CC, VC: 0.5							Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 12/11/2020
	Báo cáo ứng dụng CNTT: 0.5							Báo cáo số 314/BC-UBND ngày 14/10/2020
<b>1.3</b>	<b>Công tác kiểm tra CCHC</b>	<b>2.00</b>	<b>2.00</b>					Kế hoạch số 06/KH-VPUBND ngày 04/02/2020
1.3.1	Thực hiện kiểm tra theo kế hoạch đã ban hành	1.00	<b>1.00</b>					Báo cáo số 39/BC-VPUBND ngày 27/4/2020
	Đạt 100% kế hoạch: 1							
	Dưới 100%: 0							
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1.00	<b>1.00</b>					Báo cáo số 215/BC-UBND ngày 10/7/2020
	Từ 80% - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý\kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{(\text{Tỷ lệ \% số vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý}) \times 1.00}{100\%} \right]$							
	Dưới 80% số văn bản đã xử lý\kiến nghị xử lý: 0							
<b>1.4</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	<b>2.00</b>	<b>2.00</b>					Phối hợp các ngành có liên quan gửi Tỉnh 11 tin, bài viết; Huyện 32 tin, bài viết về CCHC. Báo cáo số 314/BC-UBND ngày 14/10/2020
	Hoàn thành 100% kế hoạch tuyên truyền: 1	1.00						
	Có các hình thức tuyên truyền mới, hiệu quả: 1	1.00						
<b>1.5</b>	<b>Sáng kiến\giải pháp mới trong cải cách hành chính</b>	<b>1.00</b>	<b>0</b>					Không có
	Có từ 1 sáng kiến\giải pháp mới trở lên: 1							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	<i>Không có sáng kiến/giải pháp mới: 0</i>							
1.6	<b>Thực hiện các nhiệm vụ được UBND, Chủ tịch UBND huyện giao</b>	<b>2.00</b>	2.00					Thực hiện đúng quy định Báo cáo số 86/BC-VPUBND ngày 28/10/2020.
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao trong năm: 2</i>							
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 1</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao: 0</i>							
1.7	<b>Sự năng động, quyết tâm của lãnh đạo trong CCHC</b>	<b>5.00</b>	<b>5.00</b>					Tham mưu UBND chỉ đạo thực hiện kịp thời Báo cáo số 86/BC-VPUBND ngày 28/10/2020.
1.7.1	Công tác triển khai, đôn đốc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ CCHC tại cơ quan	2.50						
1.7.2	Tính kịp thời, chất lượng của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC tại cơ quan	2.50						
1.8	<b>Văn thư lưu trữ</b>	<b>4.00</b>						
1.8.1	Lập hồ sơ công việc	2.00	2.00					Kế hoạch số 07/KH-VPUBND ngày 03/3/2020; Quyết định số 16/QĐ-VPUBND ngày 24/7/2020
	<i>100% người được giao nhiệm vụ giải quyết công việc thực hiện lập hồ sơ công việc đúng theo quy định: 2</i>							
1.8.2	Xử lý tài liệu tồn đọng	2.00	2.00					Chỉnh lý 100% số tài liệu do đơn vị ban hành.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
								(chưa đến hạn báo cáo năm)
	<i>Xử lý từ 80% - 100% số tài liệu tồn đọng, tích đọng: 2</i>							
	<i>Xử lý từ 50% - dưới 80% số tài liệu tồn đọng, tích đọng: 1</i>							
	<i>Xử lý dưới 50% số tài liệu tồn đọng, tích đọng: 0</i>							
<b>2</b>	<b>HOÀN THIỆN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP QUY</b>	<b>8.00</b>	<b>8.00</b>					Báo cáo số 304/BC-UBND ngày 02/10/2020
<b>2.1</b>	<b><i>Tiến độ xây dựng văn bản QPPL theo quy định</i></b>	<b>1.50</b>						
	<i>100% văn bản QPPL ban hành đúng tiến độ</i>							
<b>2.2</b>	<b><i>Tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng văn bản QPPL theo quy định</i></b>	<b>1.50</b>						
	<i>100% văn bản QPPL ban hành đúng quy trình</i>							
<b>2.3</b>	<b><i>Tác động của cải cách đến chất lượng VBQPPL do địa phương ban hành</i></b>	<b>5.00</b>						
2.3.1	Tính đồng bộ, thống nhất của VBQPPL	1.00						
2.3.2	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý của địa phương	1.00						
2.3.3	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý của địa phương	1.50						
2.3.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL	1.50						
<b>3</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>23.00</b>	<b>23.00</b>					Thực hiện đúng quy định
<b>3.1</b>	<b><i>Cập nhật, công khai TTHC</i></b>	<b>3.00</b>	<b>3.00</b>					Báo cáo số 53/BC-UBND ngày 17/3/2020; Báo cáo số 178/BC-UBND ngày 16/6/2020; Báo cáo số 282/BC-UBND ngày 15/9/2020.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	<i>Cập nhật, cung cấp TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận và trả kết quả huyện và công khai trên Trang thông tin điện tử của huyện đầy đủ, đúng quy định</i>							
3.2	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</b>	12.00	12.00					Tham mưu UBND Huyện thực hiện đúng quy định Báo cáo số 53/BC-UBND ngày 17/3/2020; Báo cáo số 178/BC-UBND ngày 16/6/2020; Báo cáo số 282/BC-UBND ngày 15/9/2020.
3.2.1	Tỷ lệ TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	2.00	2.00					Đơn vị không có thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
	<i>100% TTHC thuộc thẩm quyền: 2</i>							
	<i>Dưới 100% TTHC thuộc thẩm quyền: 0</i>							
3.2.2	Tỷ lệ TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông ngang (liên thông cùng cấp)	1.00	1.00					Đơn vị không có thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
	<i>Liên thông trong giải quyết TTHC cùng cấp từ 100% thủ tục được công bố: 1</i>							
	<i>Liên thông trong giải quyết TTHC cùng cấp từ 50% thủ tục được công bố: 0.5</i>							
	<i>Dưới 50% TTHC thực hiện liên thông: 0</i>							
3.2.3	Tỷ lệ TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông dọc (liên thông giữa các cấp chính quyền)	1.00	1.00					Đơn vị không có thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
	<i>100% thủ tục được công bố: 1</i>							
	<i>50% thủ tục được công bố: 0.5</i>							
	<i>Dưới 50% TTHC: 0</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
3.2.4	Có phát sinh hồ sơ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông	1.00	1.00					Đơn vị không có thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
	<i>Từ 50 hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>							
	<i>Từ 30 – 49 hồ sơ TTHC: 0.5</i>							
	<i>Dưới 30 hồ sơ TTHC: 0.25</i>							
3.2.5	Kết quả giải quyết TTHC	5.00	5.00					Đơn vị không có thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
	<i>Từ 98 % - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math>\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 5.00}{100\%} \right]</math></i>							
	<i>Từ 96% - dưới 98% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 3</i>							
	<i>Từ 95% - dưới 96% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 1</i>							
	<i>Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0</i>							
3.2.6	Tham mưu thực hiện thư xin lỗi theo đúng quy định	2.00	2.00					Đơn vị không có thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
	<i>Thực hiện 100%, đúng biểu mẫu quy định: 2</i>							
	<i>Không đầy đủ, không đúng biểu mẫu quy định: 0</i>							
<b>3.3</b>	<b>Thực hiện kiểm soát TTHC</b>	<b>5.00</b>	<b>5.00</b>					Thực hiện đúng quy định
3.3.1	Ban hành kế hoạch hoạt động và truyền thông về kiểm soát TTHC	1.00	1.00					Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 24/12/2019
	<i>Ban hành đúng quy định, hướng dẫn: 1</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	<i>Không đúng quy định, hướng dẫn: 0</i>							
3.3.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát TTHC	2.00	2.00					Báo cáo số 224/BC-UBND ngày 23/7/2020
	<i>100% kế hoạch và đạt tỷ lệ kiến nghị được giao: 2</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% kế hoạch và tỷ lệ kiến nghị được giao: 1</i>							
	<i>Dưới 80% kế hoạch và tỷ lệ kiến nghị được giao: 0</i>							
3.3.3	Thực hiện chế độ báo cáo về TTHC	2.00	2.00					Báo cáo số 53/BC-UBND ngày 17/3/2020; Báo cáo số 178/BC-UBND ngày 16/6/2020; Báo cáo số 282/BC-UBND ngày 15/9/2020.
	<i>Thực hiện đúng, đầy đủ các báo cáo định kỳ: 2</i>							
	<i>Có 1 báo cáo định kỳ thực hiện không đúng, không đầy đủ: 1</i>							
	<i>Có từ 2 báo cáo định kỳ thực hiện không đúng, không đầy đủ: 0</i>							
3.4	<b>Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết</b>	3.00	3.00					
3.4.1	Tình hình PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền	1.50	1.50					Không có phản ánh, kiến nghị về giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của UBND Huyện
	<i>Không có PAKN: 1.5</i>							
	<i>Có dưới 5 PAKN: 0.5</i>							
	<i>Có từ 5 PAKN trở lên: 0</i>							



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
3.4.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương	1.50	1.50					Không có phản ánh, kiến nghị về giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của UBND Huyện
	<i>100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1.5</i>							
	<i>Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý và xử lý đạt chất lượng: 1</i>							
	<i>Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 Hoặc có trên 10% PAKN xử lý chưa đạt chất lượng: 0</i>							
<b>4</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH</b>	<b>10.00</b>	<b>10.00</b>					Thực hiện đúng quy định Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 12/11/2020
<b>4.1</b>	<b>Thực hiện quy định của UBND tỉnh, huyện và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy</b>	<b>2.00</b>						
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	1.00						
	<i>Đúng quy định, phù hợp thực tiễn: 1.00</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	1.00						
	<i>Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc huyện</i>	0.50						
	<i>Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo đơn vị sự nghiệp</i>	0.50						
<b>4.2</b>	<b>Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao</b>	<b>3.00</b>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1.50						
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 1.5</i>							
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0</i>							
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập	1.50						
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 1.5</i>							
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0</i>							
<b>4.3</b>	<b>Thực hiện phân cấp quản lý</b>	<b>3.00</b>						
4.3.1	Thực hiện đầy đủ các quy định về phân cấp quản lý của UBND huyện quy định	2.00						
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 2</i>							
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>							
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ, xử lý các vấn đề đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước thực hiện theo quy định về phân cấp và các nhiệm vụ UBND huyện phân cấp cho các cơ quan, đơn vị	1.00						
	<i>Có thực hiện: 1</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
<b>4.4</b>	<b>Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy</b>	<b>2.00</b>						
4.4.1	Thực hiện đúng quy chế làm việc của cơ quan	1.00						
4.4.2	Tính hợp lý trong sắp xếp kiện toàn bộ máy của cơ quan	1.00						
<b>5</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>	<b>23.00</b>	<b>23.00</b>					Thực hiện đúng quy định Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 12/11/2020

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
5.1	<b>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</b>	1.00						
	<i>Có thực hiện đúng quy định VTVL: 1</i>							
	<i>Không thực hiện đúng quy định VTVL: 0</i>							
5.2	<b>Công tác quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức</b>	3.00						
5.2.1	Thực hiện tinh giản biên chế theo quy định	1.00						
	<i>Đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức	1.00						
	<i>Đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
5.2.3	Thực hiện đúng quy định tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	1.00						
	<i>Đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
5.3	<b>Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính</b>	3.00						
	<i>100% số lãnh đạo cấp phòng thuộc huyện và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 1.5</i>							
	<i>100% số lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc của các cơ quan được bổ nhiệm đúng quy định: 1.5</i>							
5.4	<b>Đánh giá, phân loại công chức, viên chức</b>	4.00	4.00					Báo cáo số 95/BC-VPUBND ngày 17/11/2020
5.4.1	Báo cáo kết quả đánh giá phân loại công chức, viên chức đúng quy định	2.00						
	<i>Đúng thời gian quy định: 2</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	<i>Không đúng thời gian quy định: 0</i>							
5.4.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức (tính cho cả đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc của các cơ quan)	2.00						
	<i>Trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại cơ quan bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 2.00</i>							
5.5	<b>Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</b>	<b>2.00</b>						
	<i>Xây dựng kế hoạch đạt theo yêu cầu hướng dẫn và hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math>\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]</math></i>							
	<i>hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch: 2</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>							
5.6	<b>Tác động của cải cách đến quản lý cán bộ, công chức</b>	<b>4.00</b>						
5.7.1	Không xảy ra tình trạng tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	2.00						
5.7.2	Thực hiện công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	2.00						
5.8	<b>Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ công chức, viên chức</b>	<b>6.00</b>						
5.8.1	Công chức có năng lực chuyên môn của trong phối hợp, xử lý công việc	2.00						
5.8.2	Công chức có tinh thần trách nhiệm trong phối hợp, xử lý công việc	2.00						
5.8.3	Không xảy ra tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc	2.00						
<b>6</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>6.00</b>	<b>6.00</b>					Thực hiện đúng quy định Báo cáo số 30/BC-UBND

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
								ngày 14/02/2020
6.1	<i>Thực hiện và báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc</i>	1.00						
	<i>Đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
6.2	<i>Thực hiện tiết kiệm kinh phí hành chính, tăng thu nhập tại các cơ quan, đơn vị</i>	1.00						
	<i>Có thực hiện tăng thu nhập: 1</i>							
	<i>Không tăng thu nhập: 0</i>							
6.3	<i>Thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc do ngân sách bảo đảm chi thường xuyên sang đơn vị sự nghiệp trực thuộc tự bảo đảm một phần chi thường xuyên hoặc tự đảm bảo chi thường xuyên</i>	0.50						
	<i>Có thực hiện: 0.5</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
6.4	<i>Thực hiện quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị sự nghiệp công lập</i>	0.50						
	<i>Không sai phạm: 0.5</i>							
	<i>Có sai phạm: 0</i>							
6.5	<i>Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công</i>	3.00						
6.5.1	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1.00						
6.5.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	1.00						
6.5.3	Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công	1.00						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
7	<b>HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH</b>	<b>10.00</b>	<b>10.00</b>					Thực hiện đúng quy định Bảo cáo số 314/BC-UBND ngày 14/10/2020
7.1	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh</b>	<b>3.50</b>						
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	1.00						
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math>\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]</math></i>							
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>							
7.1.2	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử (có ký số) giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành	1.50						
	<i>Từ 90% số văn bản trở lên: 2</i>							
	<i>Từ 80% đến dưới 90%: 1</i>							
	<i>Dưới 80%: 0</i>							
7.1.3	Trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ nội dung theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ	1.00						
7.2	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>	<b>5.00</b>	<b>5.00</b>					Đơn vị không có thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức 3 có phát sinh hồ sơ trong năm	1.50						
	<i>Từ 50% số TTHC trở lên: 1.5</i>							
	<i>Từ 30% - dưới 50% số TTHC: 1</i>							
	<i>Dưới 30% số TTHC: 0</i>							
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	1.50						
	<i>Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1.5</i>							
	<i>Từ 20% - dưới 40% số hồ sơ TTHC được tính theo công thức</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	$\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 2.00}{40\%} \right]$							
	<i>Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0</i>							
7.2.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	1.00						
	<i>Từ 50% số TTHC trở lên: 1</i>							
	<i>Từ 30% - dưới 50% số TTHC: 0.5</i>							
	<i>Dưới 30% số TTHC: 0</i>							
7.2.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	1.00						
	<i>Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>							
	<i>Từ 5% - dưới 10% số hồ sơ TTHC được tính theo công thức</i> $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{10\%} \right]$							
	<i>Dưới 5% số hồ sơ TTHC: 0</i>							
7.3	<b><i>Áp dụng, duy trì, cải tiến và tự công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 trong hoạt động của cơ quan</i></b>	<b>1.50</b>	<b>1.50</b>				Thực hiện đúng quy định Báo cáo số 295/BC-UBND ngày 23/9/2020	
7.3.1	Có công bố kịp thời hệ thống QLCL phù hợp TCVN ISO 9001 áp dụng tại cơ quan, đơn vị	0.50						
7.3.2	Có tổ chức đánh giá nội bộ hàng năm	0.50						
7.3.3	Kịp thời cập nhật tài liệu, điều chỉnh, xây dựng mới các quy trình ISO theo sự thay đổi của TTHC	0.50						
<b>TỔNG ĐIỂM</b>		<b>100.00</b>	<b>99.00</b>				Trừ 1 điểm do không có sáng kiến trong giải quyết TTHC	